

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2026/DS-ST**
Ngày: 02/03/2026.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Loan.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phước Thọ.
2. Bà Phạm Thu Trúc.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*

Ông Lê Kinh Luân - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long:* Bà Trần Thị Âm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 334/2025/TLST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST- DS ngày 23 tháng 01 năm 2026. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng)

Trụ sở: số B L, Phường G, Thành phố Hà Nội.

Người địa diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trí C. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh C1, theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc A về Ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật cho Giám đốc chi nhánh.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Trí C ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 05/UQ-NHN0.CT ngày 22/8/2025. Ông T có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Cao Đình Q, sinh năm 1986, CCCD số 083086 011089

Địa chỉ thường trú: Số nhà G, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước đây: Số nhà G, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre) (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị L. Sinh năm: 1984, CMND số 191522419

Địa chỉ thường trú: Phường H, Thành Phố H (trước đây là: Tổ 11, T, H, tỉnh Thừa Thiên Huế). Vợ ông Q. (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị Bé T1, sinh năm 1975; CCCD số 083175 016883. (vắng mặt).

2. Bà Cao Thị Dung H, sinh năm 1979, CCCD số 083179 006754. (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số nhà G, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2025 cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nội dung việc kiện và yêu cầu như sau:*

Ngày 27/01/2021 ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L đã ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng N – chi nhánh huyện C1, tỉnh Bến Tre (nay là Ngân hàng N -Chi nhánh C1) hợp đồng tín dụng số 7104-LAV- 202100757, hai bên ký kết hợp đồng với những điều khoản như sau:

- Số tiền cho vay: 330.000.000 đồng (ba trăm ba chục triệu đồng).

- Phương thức cho vay: từng lần.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Cải tạo 4.500 m² vườn sầu riêng, nuôi 16 con dê nái, rào vườn.

- Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 27/01/2026.

- Mức lãi suất: 10%/năm; Lãi chậm trả: 10%/năm {Tiền lãi chậm trả (=) số dư nợ lãi chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm ngày (365) }; Lãi suất áp dụng đối với dư nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng giữa hai bên như sau:

- Ngày 28/01/2021 ông Cao Đình Q đã nhận đủ số tiền cho vay là 330.000.000 đồng.

- Ngày 28/01/2022, ông Cao Đình Q trả số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng.

- Ngày 02/02/2023, ông Cao Đình Q trả số tiền vốn gốc là 14.877.000 đồng.

- Ngày 03/02/2023, ông Cao Đình Q trả số tiền vốn gốc là 15.993.000 đồng.

Tổng số tiền vốn gốc đã trả là 50.870.000 đồng (năm chục triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) nên số tiền vốn gốc tính đến ngày 02/03/2026 ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L còn nợ Ngân hàng là 279.130.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm ba mươi đồng).

* Đối với số tiền lãi thì từ ngày giải ngân 28/01/2021 đến ngày 01/8/2023 ông Cao Đình Q đã trả số tiền là 76.128.380 đồng (bảy mươi sáu triệu một trăm hai mươi tám nghìn ba trăm tám mươi tám chục đồng).

Từ ngày 02/8/2023 ông Cao Đình Q đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn gốc, trả lãi theo thỏa thuận giữa hai bên đã ký kết kèm theo “ Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ ngày 28/01/2021 (bl 25).

Tính đến hết ngày 02/3/2026 thì ông Cao Đình Q còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là: 279.130.000 đồng, L1 trong hạn: 73.768.325 đồng; Lãi quá hạn: 9.199.674 đồng; Lãi chậm trả 8.026.583 đồng.

* Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ giữa các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 202100757/HĐTC (bl 26), Theo hợp đồng thế chấp trên thì: Bên thế chấp là ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L đã dùng tài sản của mình gồm: Quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất có số phát hành CD672197 thửa đất số 256 tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long), diện tích thửa đất được ghi trên giấy chứng nhận là 4.814,4 m² (trong đó đất ở tại nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 4.514,4 m²). Đồng thời, các bên đã thỏa thuận:

+ Tất cả các tài sản gắn liền với các thửa đất trên cũng thuộc tài sản thế chấp và tài sản gắn liền với đất hình thành sau thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp được dùng để đảm bảo tiền vay.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Cao Đình Q1 cùng vợ là bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 02/3/2026 là 370.124.582 đồng (ba trăm bảy mươi triệu một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi hai đồng).

Trong đó:

+ Vốn gốc: 279.130.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Lãi trong hạn: 73.768.325 đồng (bảy mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng).

+ Lãi quá hạn: 9.199.674 đồng (chín triệu một trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

+ Lãi chậm trả: 8.026.583 đồng (tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi ba đồng).

Trong trường hợp ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L không trả nợ thì yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp theo quy định để Ngân hàng bán thu hồi số nợ đã cho ông Q, bà L vay.

* Đối với ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L từ sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông, bà nhưng ông, bà không đến Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông, bà.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bà Cao Thị B Thu ngày 27/11/2025 (bl 60), bà T1 khai có nội dung như sau:*

Thửa đất mà ông Cao Đình Q đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ thửa 256 tờ bản đồ số 18 có địa chỉ tại tổ A, ấp T, xã T là của cha, mẹ bà cho bà, em Cao Thị D H và Cao Đình Q nhưng do Cao Đình Q đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Hiện tại, bà cùng Cao Thị Dung H đang ở trên đất. Năm 2021 ông Cao Đình Q dùng thửa đất này thế chấp vay ngân hàng nông nghiệp bà cùng Cao Thị Dung H đều biết. Trong trường hợp ông Cao Đình Q không trả được nợ bà không có ý kiến, tùy theo pháp luật giải quyết.

Bà Cao Thị Bé T1 xin Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án

Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo qui định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; lấy lời khai đương sự; yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong các lần tòa án triệu tập là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh C1 đối với ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh C1, Bến Tre số tiền nợ còn thiếu là 370.124.582 đồng. Đồng thời ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải trả lãi phát sinh từ ngày 03/03/2026 cho Ngân hàng cho đến khi ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L trả tất nợ.

Trường hợp ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L không trả nợ cho ngân hàng thì đề nghị ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L, Cao Thị Bé T1, Cao Thị Dung H giao các tài sản đã thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền bán thu hồi nợ.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố công khai tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L và bà Cao Thị Dung H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cao Thị Bé T1 có yêu cầu vắng mặt.

Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải trả số tiền vốn vay theo Hợp đồng tín dụng số 7108-LAV- 202100757 mà Ngân hàng và ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L ký kết ngày 27/01/2021 số nợ là 279.130.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. *Hội đồng xét xử, thấy rằng:*

Căn cứ Bảng phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ ngày 28/01/2021 (b1 25) có căn cứ xác định ông Cao Đình Q đã nhận đầy đủ số tiền đã vay là 330.000.000 đồng.

Căn cứ Bản kê tính lãi ngày 02/03/2026 của Ngân hàng thì ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L đã trả cho Ngân hàng tổng số vốn vay là 50.870.000 đồng (năm chục triệu tám trăm bảy chục nghìn đồng), nên ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L còn nợ số vốn vay tính đến hết ngày 02/03/2026 là 279.130.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Căn cứ khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số 7108-LAV- 202100757 mà Ngân hàng và ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L ký kết ngày 27/01/2021 (b1 22) thì hai bên đã thỏa thuận thời hạn vay 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng: hết 27/01/2026.

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/03/2026 ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L chưa trả số vốn vay cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả số nợ vốn vay số tiền 279.130.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm ba

mười nghìn đồng) là đúng quy định. Vì vậy, buộc ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ vốn vay cho Ngân hàng 279.130.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) một lần số nợ trên là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng, yêu cầu ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải trả số tiền lãi tính đến hết ngày 02/03/2026. *Hội đồng xét xử, xét thấy:*

Tại Điều 2, Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 7108-LAV- 202100757 mà Ngân hàng và ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L ký kết ngày 27/01/2021 (bl 22) thì hai bên thỏa thuận các mức lãi suất như sau: Mức lãi suất: 10%/năm; Lãi chậm trả: 10%/năm; Lãi suất áp dụng đối với dư nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Tại mục 2 của Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 28/01/2021, hai bên thỏa thuận thời hạn định kỳ trả nợ lãi như sau: Kỳ hạn trả nợ lãi 6 tháng/lần.

Căn cứ Bản kê tính lãi ngày 02/3/2026 thì ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 02/8/2023.

Từ những cơ sở trên, thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L đã nhận đầy đủ số tiền vốn vay, nhưng đến thời hạn trả lãi theo hợp đồng ông, bà không thực hiện nghĩa vụ trả lãi là vi phạm nghĩa vụ trả lãi mà hai bên đã ký kết.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng tính đến hết ngày 02/03/2026 với tổng số lãi là 90.994.582 đồng (chín chục triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi hai đồng). Bao gồm các khoản lãi suất như sau:

Lãi trong hạn là 73.768.325 đồng; Lãi quá hạn 9.199.674 đồng; Lãi chậm trả là 8.026.583 đồng là đúng quy định, nên buộc ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 02/03/2026 là 90.994.582 đồng.

Như vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ vay gồm vốn gốc, lãi tính đến hết ngày 02/03/2026 là 370.124.582 đồng (ba trăm bảy chục triệu một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi hai đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 Nghị quyết Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về tiếp tục tính lãi phát sinh, kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 02/03/2026 đến khi ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L trả hết nợ gốc theo mức lãi suất đã quy định tại Hợp đồng tín dụng số 7108-LAV- 202100757 mà Ngân hàng và ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L ký kết ngày 27/01/2021 (bl 22). **Xét thấy:** Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh, kể từ ngày tiếp theo của ngày 02/03/2026 cho đến khi ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L trả hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định

tại Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét hiệu lực của Hợp đồng thế chấp tài sản. *Hội đồng xét xử, xét thấy:*

Căn cứ lời khai nhận của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị B Thu ngày 27/11/2025 đã xác nhận: tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 256 tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại xã T, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà cùng bà Cao Thị Dung H đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất nhưng do ông Cao Đình Q đứng tên, việc ông Q thế chấp để vay tiền ở Ngân hàng hai bà đều biết. Trong trường hợp ông Q không trả được nợ bà không có ý kiến tùy Tòa án giải quyết theo quy định, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số 202100757/HĐTC ngày 27/01/2021 thì tài sản thế chấp là diện tích đất ở thửa 256 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành CD672197 được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 14/7/2016 (bl 34) và tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực 18 -Vĩnh Long) vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 28/01/2021 đã được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 167, 188 Luật đất đai năm 2013, Điều 318 Bộ luật dân sự về đăng ký giao dịch bảo đảm. Như vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số 202100757/HĐTC ngày 27/01/2021 đã được hai bên ký kết ngày 27/01/2021 có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo các điều khoản đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng N - chi nhánh C1, Bến Tre yêu cầu trong trường hợp đến thời hạn trả nợ mà ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ nêu trên, theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, điều này cũng được bên thế chấp tài sản là ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết và thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L, Cao Thị Bé T1, Cao Thị Dung H phải có nghĩa vụ liên đới giao tài sản đã thế chấp cho Cơ quan có thẩm quyền phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải chịu án phí theo quy định, số tiền án phí được tính là: $370.124.582 \text{ đồng} \times 5\% = 18.506.229 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 318 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 Nghị quyết Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – chi nhánh C1, Bến Tre đối với ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L. Về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

2. Buộc ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N – chi nhánh C1, Bến Tre số tiền nợ tính đến hết ngày 02/3/2026 là 370.124.582 đồng (ba trăm bảy mươi triệu một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi hai đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc: 279.130.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Lãi trong hạn: 73.768.325 đồng (bảy mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng).

+ Lãi quá hạn: 9.199.674 đồng (chín triệu một trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

+ Lãi chậm trả: 8.026.583 đồng (tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi ba đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (03/03/2026) ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trong trường hợp ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N – chi nhánh C1, Bến Tre thì buộc:

Ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L, Cao Thị Bé T1, Cao Thị Dung H phải có nghĩa vụ liên đới giao tài sản thế chấp là thửa đất số 256, tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã T, tỉnh Vĩnh Long do ông Cao Đình Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CD672197, cấp ngày 14/7/2016 cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết số 202100757/HĐTC ngày 27/01/2021.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L phải liên đới chịu án phí là 18.506.229 đồng (mười tám triệu năm trăm lẻ sáu nghìn hai trăm hai mươi chín đồng).

Hoàn trả Ngân hàng N - Chi nhánh C1 số tiền 6.978.000 đồng (sáu triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0007753, ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Cao Đình Q, bà Phạm Thị L, bà Cao Thị Bé T1, bà Cao Thị Dung H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng GĐKT);
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long;
- Phòng T.HA dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan

